

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 358/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Bà Trương Thị Kim Oanh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Minh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Sơn Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2010
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2010
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tài chính	
Ông Đinh Danh Vượng	Giám đốc nhân sự	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Luyến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Sơn Hải

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, do không có đủ cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 31/12/2010, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này. Bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng về giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2010 của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2011

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Ngô Đức Đoàn
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0052/KTV

Trần Quang Mẫu
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0668/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		274.531.864.121	335.068.352.045
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	65.225.752.993	70.798.809.661
111	1. Tiền		65.225.752.993	70.798.809.661
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	35.430.035.278	108.163.954.872
121	1. Đầu tư ngắn hạn		44.313.794.356	148.379.178.942
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(8.883.759.078)	(40.215.224.070)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		165.589.241.918	141.811.951.884
131	1. Phải thu của khách hàng		1.164.663.400	109.370.000
132	2. Trả trước cho người bán		1.479.004.355	804.817.066
138	5. Các khoản phải thu khác	7	162.945.574.163	140.897.764.818
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.286.833.932	14.293.635.628
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		367.088.918	579.349.091
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.482.088.402	1.715.383.146
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	133.723.107	7.075.193.707
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		6.303.933.505	4.923.709.684
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		99.491.469.813	136.291.186.383
220	II. Tài sản cố định		20.851.862.131	23.282.437.199
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.895.992.891	12.018.236.362
222	- Nguyên giá		17.792.518.812	16.885.049.162
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.896.525.921)	(4.866.812.800)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	9.955.869.240	11.264.200.837
228	- Nguyên giá		12.456.691.080	12.746.211.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.500.821.840)	(1.482.010.243)
240	III. Bất động sản đầu tư	11	22.284.683.636	22.284.683.636
241	- Nguyên giá		22.284.683.636	22.284.683.636
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	51.422.051.070	88.236.526.203
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		35.400.651.070	71.807.126.203
258	4. Đầu tư dài hạn khác		16.021.400.000	16.429.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.932.872.976	2.487.539.345
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	678.226.391	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	4.254.646.585	2.487.539.345
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		374.023.333.934	471.359.538.428

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		20.251.465.475	69.190.530.670
310	I. Nợ ngắn hạn		20.002.032.859	68.617.632.387
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	15.000.000.000	59.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		977.536.866	1.874.580.000
313	3. Người mua trả tiền trước		239.000.000	207.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	589.752.862	141.988.653
315	5. Phải trả người lao động		877.422.910	2.444.964.736
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	1.764.922.325	3.452.911.291
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	20.325.000	20.325.000
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		508.961.400	981.631.400
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		24.111.496	494.231.307
330	II. Nợ dài hạn		249.432.616	572.898.283
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		27.414.298	65.629.298
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		222.018.318	507.268.985
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.771.868.459	402.169.007.758
410	I. Vốn chủ sở hữu		353.771.868.459	402.169.007.758
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	401.306.200.000	309.789.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	163.240.342.400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(14.704.390.400)	(15.022.390.400)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(149.108.840.272)	(100.393.700.973)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		374.023.333.934	471.359.538.428

Ghi chú: Các khoản tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ không được trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		877.346.490.000	620.744.210.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		730.257.230.000	567.617.220.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		8.711.450.000	24.245.750.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		719.441.220.000	541.123.590.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.104.560.000	2.247.880.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		131.111.410.000	22.494.470.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		2.853.750.000	5.597.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		128.257.660.000	16.897.470.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		14.816.000.000	26.351.800.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		679.000.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		14.137.000.000	26.351.800.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		1.161.850.000	4.280.720.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		790.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		1.129.060.000	4.280.720.000
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài		32.000.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		24.991.010.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		21.841.810.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		3.165.420.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		18.676.390.000	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		3.139.200.000	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		3.139.200.000	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		10.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		10.000.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		40.963.430.000	52.119.430.000

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thu Huyền

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	56.250.698.274	109.522.067.568
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		26.082.630.309	38.209.732.253
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		25.698.439.093	69.032.154.599
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	30.000.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		276.348.961	679.471.968
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		22.182.066	22.544.283
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	3.636.364
01.8	Thu cho thuê sử dụng tài sản		2.727.273	91.995.024
01.9	Doanh thu khác		4.168.370.572	1.452.533.077
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		56.250.698.274	109.522.067.568
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	88.072.125.270	82.289.412.071
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(31.821.426.996)	27.232.655.497
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	16.766.742.774	14.632.900.188
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(48.588.169.770)	12.599.755.309
31	8. Thu nhập khác		18.318.182	9.824.675
32	9. Chi phí khác		145.287.711	6.128.722
40	10. Lợi nhuận khác		(126.969.529)	3.695.953
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(48.715.139.299)	12.603.451.262
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(48.715.139.299)	12.603.451.262
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(1.228)	452

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thu Huyền

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(48.715.139.299)	12.603.451.262
02	Khấu hao tài sản cố định		4.395.315.691	2.509.749.888
03	Các khoản dự phòng		(29.081.492.665)	(47.530.491.142)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.434.300.125)	(7.334.155.899)
06	Chi phí lãi vay		523.367.851	746.610.568
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(82.312.248.547)	(39.004.835.323)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.291.282.731)	(32.937.644.499)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		140.879.859.719	135.614.082.561
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.178.562.848)	664.040.834
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(465.966.218)	190.125.569
13	Tiền lãi vay đã trả		(523.367.851)	(746.610.568)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		522.742.109	42.000.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.100.551.571)	(2.314.080.046)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		30.530.622.062	61.507.078.528
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.855.978.855)	(19.389.341.233)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	3.695.953
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.434.300.125	7.340.284.621
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.578.321.270	(12.045.360.659)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		318.000.000	70.790.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		321.950.000.000	365.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(365.950.000.000)	(360.260.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.682.000.000)	5.310.790.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.573.056.668)	54.772.507.869

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		70.798.809.661	16.026.301.792
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	5	65.225.752.993	70.798.809.661

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thu Huyền

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2010

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	239.398.090.000	309.789.530.000	70.391.440.000	91.516.670.000	-	-	309.789.530.000	401.306.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	233.654.268.000	163.240.342.400	-	-	(70.413.925.600)	(91.516.670.000)	163.240.342.400	71.723.672.400
Vốn khác của chủ sở hữu	4.352.332.126	4.352.332.126	-	-	-	-	4.352.332.126	4.352.332.126
Cổ phiếu quỹ	(6.626.436.000)	(15.022.390.400)	(8.489.230.000)	-	93.275.600	318.000.000	(15.022.390.400)	(14.704.390.400)
Quỹ đầu tư phát triển	35.850.562.479	35.850.562.479	-	-	-	-	35.850.562.479	35.850.562.479
Quỹ dự phòng tài chính	4.352.332.126	4.352.332.126	-	-	-	-	4.352.332.126	4.352.332.126
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(128.290.355.977)	(100.393.700.973)	27.896.655.004	-	-	(48.715.139.299)	(100.393.700.973)	(149.108.840.272)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	382.690.792.754	402.169.007.758	89.798.865.004	91.516.670.000	(70.320.650.000)	(139.913.809.299)	402.169.007.758	353.771.868.459

(*) Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm do việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 10:03 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu thì được thưởng 03 cổ phiếu mới phát hành).

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011
Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thu Huyền

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 13/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Giấy phép điều chỉnh số 358/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 401.306.200.000 VND (Bốn trăm lẻ một tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu, hai trăm ngàn đồng). Tương đương 40.130.620 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh chứng khoán
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng tại TP HCM	Thành phố HCM	Kinh doanh chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kê từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ THEO KẾT QUẢ TRANH TRA THUẾ

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 căn cứ trên Biên bản thanh tra thuế của Cơ quan thuế địa phương về việc thanh tra thuế các năm 2004, 2005, 2006 và 2007. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm 2009 VND	Số liệu điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	225.711.332	7.075.193.707	6.849.482.375	(1)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	96.480.020	141.988.653	45.508.633	(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(107.197.674.715)	(100.393.700.973)	6.803.973.742	(1,2)

(1) Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do được miễn 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2007 đối với đơn vị niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(2) Điều chỉnh tăng các khoản thuế khác phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	16.168.730	577.427.515.000
- Cổ phiếu	15.676.180	571.091.421.000
- Chứng chỉ quỹ	462.550	6.018.094.000
- Chứng khoán khác	30.000	318.000.000
Của người đầu tư	288.192.075	7.721.230.798.500
- Cổ phiếu	286.757.155	7.708.010.412.313
- Chứng khoán khác	1.434.920	13.220.386.187
	304.360.805	8.298.658.313.500

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền	65.225.752.993	70.798.809.661
- Tiền mặt tại quỹ	208.424.401	152.636.800
- Tiền gửi ngân hàng	64.901.311.060	70.624.222.809
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	116.017.532	21.950.052
	65.225.752.993	70.798.809.661

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	44.313.794.356	148.379.178.942
- Chứng khoán niêm yết	29.442.506.356	148.379.178.942
- Chứng khoán chưa niêm yết	14.871.288.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(8.883.759.078)	(40.215.224.070)
	35.430.035.278	108.163.954.872

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.609.100.000	21.071.300.000
Phải thu về sửa lỗi giao dịch	91.111.096	545.010.820
Phải thu khách hàng	2.601.013.142	3.757.859.465
Phải thu cán bộ nhân viên	960.000.000	960.000.000
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	11.182.773.235	45.391.729.064
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	128.418.758.487	68.858.661.935
Phải thu khác	82.818.203	313.203.534
	<u><u>162.945.574.163</u></u>	<u><u>140.897.764.818</u></u>

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	133.723.107	7.075.193.707
	<u><u>133.723.107</u></u>	<u><u>7.075.193.707</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.939.274.540	10.806.936.540	12.746.211.080
Số tăng trong năm	156.000.000	336.090.000	492.090.000
- Mua sắm mới	156.000.000	336.090.000	492.090.000
Số giảm trong năm	-	(781.610.000)	(781.610.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(781.610.000)	(781.610.000)
Số dư cuối năm	2.095.274.540	10.361.416.540	12.456.691.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	60.602.330	1.421.407.913	1.482.010.243
Số tăng trong năm	243.415.770	1.557.005.827	1.800.421.597
- Trích khấu hao	243.415.770	1.557.005.827	1.800.421.597
Số giảm trong năm	-	(781.610.000)	(781.610.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(781.610.000)	(781.610.000)
Số dư cuối năm	304.018.100	2.196.803.740	2.500.821.840
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	1.878.672.210	9.385.528.627	11.264.200.837
Cuối năm	1.791.256.440	8.164.612.800	9.955.869.240

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
401.306.200.000	Nguyên giá	30.249.209.892	0,08
	Khấu hao	(9.397.347.761)	
	Giá trị còn lại	20.851.862.131	0,05

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Giá trị bất động sản đầu tư là khoản tiền Công ty đã thanh toán cho hợp đồng mua lại khu đất tại số 10 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Hải Phòng, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và móng nhà 15 tầng, giá trị thanh toán (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) đến thời điểm 31/12/2010 là 22.284.683.636 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	35.400.651.070	71.807.126.203
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	35.400.651.070	71.807.126.203
Đầu tư dài hạn khác	16.021.400.000	16.429.400.000
	<u>51.422.051.070</u>	<u>88.236.526.203</u>
 Đầu tư dài hạn khác		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Góp vốn Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	11.021.400.000	11.429.400.000
	<u>16.021.400.000</u>	<u>16.429.400.000</u>

Do không có cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 31/12/2010, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	678.226.391	-
	<u>678.226.391</u>	<u>-</u>

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.504.795.135	2.300.395.673
Tiền lãi phân bổ trong năm	629.851.450	67.143.672
Số cuối năm	<u>4.254.646.585</u>	<u>2.487.539.345</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.000.000.000	59.000.000.000
- Vay ngân hàng	15.000.000.000	59.000.000.000
Cộng	15.000.000.000	59.000.000.000
Chi tiết các khoản vay:	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	15.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam - C	-	29.000.000.000
	15.000.000.000	59.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số LD1036500078 ngày 31/12/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền là 15.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 3 tháng kể từ ngày 31/12/2010 đến 31/03/2011;
- + Lãi suất cho vay: 18,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tiền gửi ngân hàng.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	16.926.979	86.617.457
Thuế Thu nhập cá nhân (của nhà đầu tư)	572.825.883	9.862.563
Các loại thuế khác	-	45.508.633
	589.752.862	141.988.653

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	44.041.005	83.755.983
Bảo hiểm xã hội	34.863.096	34.932.286
Bảo hiểm y tế	6.294.507	4.602.260
Bảo hiểm thất nghiệp	3.242.991	10.729.448
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	439.590.000	2.660.206.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.236.890.726	658.685.314
	<u>1.764.922.325</u>	<u>3.452.911.291</u>

18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	20.325.000	20.325.000
	<u>20.325.000</u>	<u>20.325.000</u>

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	309.789.530.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>309.789.530.000</i>	<i>239.398.090.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>91.516.670.000</i>	<i>70.391.440.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>401.306.200.000</i>	<i>309.789.530.000</i>

b) Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.130.620	30.978.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.130.620	30.978.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.130.620</i>	<i>30.978.953</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	437.060	467.060
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>437.060</i>	<i>467.060</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.693.560	30.511.893
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>39.693.560</i>	<i>30.511.893</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	56.250.698.274	109.522.067.568
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	26.082.630.309	38.209.732.253
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	25.698.439.093	69.097.207.599
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	30.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	276.348.961	679.471.968
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	22.182.066	22.544.283
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	3.636.364
- Thu cho thuê sử dụng tài sản	2.727.273	91.995.024
- Doanh thu khác	4.168.370.572	1.387.480.077
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	56.250.698.274	109.522.067.568

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.068.198.162	7.182.783.803
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	97.136.448.518	109.157.859.598
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	11.200.000
Chi phí hoạt động tư vấn	33.534.482	54.187.191
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	410.304.463	213.637.377
Chi phí dự phòng	(29.081.492.665)	(43.697.525.139)
Chi phí khác	2.137.671.952	747.567.568
Chi phí trực tiếp chung	13.367.460.358	8.619.701.673
- Chi phí nhân viên	4.110.592.043	4.008.973.329
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	171.659.786	107.161.809
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.852.443.454	950.759.034
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.088.228.087	2.616.627.228
- Chi phí khác bằng tiền	3.144.536.988	936.180.273
	88.072.125.270	82.289.412.071

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.065.824.387	5.538.130.920
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	191.909.077	197.727.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.732.318.291	1.558.378.354
Thuế, phí và lệ phí	54.713.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.717.044.166	2.211.115.774
Chi phí khác bằng tiền	5.004.933.853	5.122.547.994
	16.766.742.774	14.632.900.188

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(48.715.139.299)	12.603.451.262
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.675.651.018)	(6.516.307.963)
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(6.675.651.018)	(6.516.307.963)
Tổng thu nhập chịu thuế	(55.390.790.317)	6.087.143.299
Chuyển lỗ năm trước	(125.386.208.277)	(131.473.351.576)
Thu nhập tính thuế	(180.776.998.594)	(125.386.208.277)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	20%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(*) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000553 ngày 05/09/2003. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo, Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2005.

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(48.715.139.299)	12.603.451.262
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(48.715.139.299)	12.603.451.262
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.664.384	27.860.219
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.228)	452

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu đã được điều chỉnh hồi tố theo kết quả tranh tra thuế trên biên bản của Cơ quan thuế địa phương như đã trình bày tại thuyết minh số 3.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục Nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục Vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được trình bày lại cho phù hợp.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	68.617.632.387	68.077.892.447
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	494.231.307	-
Vốn chủ sở hữu	400	402.169.007.758	395.859.265.323
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10	135.614.082.561	-
Tiền chi mua chứng khoán, chi đầu tư góp vốn	25	-	(725.279.529.643)
Tiền thu hồi bán lại chứng khoán, thu hồi vốn góp	26	-	860.893.612.204

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thu Huyền

Đặng Minh Hằng

Nguyễn Sơn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	206.298.216	13.210.682.234	3.263.426.312	204.642.400	-	16.885.049.162
Số tăng trong năm	-	1.449.593.936	-	146.037.419	-	1.595.631.355
- Mua sắm mới	-	1.449.593.936	-	146.037.419	-	1.595.631.355
Số giảm trong năm	(153.252.990)	(534.908.715)	-	-	-	(688.161.705)
- Thanh lý, nhượng bán	(153.252.990)	(534.908.715)	-	-	-	(688.161.705)
Số dư cuối năm	53.045.226	14.125.367.455	3.263.426.312	350.679.819	-	17.792.518.812
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	120.992.231	3.735.121.357	890.228.036	120.471.176	-	4.866.812.800
Số tăng trong năm	10.216.864	2.221.795.298	326.232.390	36.649.542	-	2.594.894.094
- Trích khấu hao	10.216.864	2.221.795.298	326.232.390	36.649.542	-	2.594.894.094
Số giảm trong năm	(78.163.869)	(487.017.104)	-	-	-	(565.180.973)
- Thanh lý, nhượng bán	(78.163.869)	(487.017.104)	-	-	-	(565.180.973)
Số dư cuối năm	53.045.226	5.469.899.551	1.216.460.426	157.120.718	-	6.896.525.921
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu năm	85.305.985	9.475.560.877	2.373.198.276	84.171.224	-	12.018.236.362
Cuối năm	-	8.655.467.904	2.046.965.886	193.559.101	-	10.895.992.891